

GIẢNG DẠY TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN: BIẾN CHUYỂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG

TEACHING ENGLISH TO NON-MAJORS: CHANGES AND ORIENTATIONS

LÂM QUANG ĐÔNG

(PGS.TS ; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: This paper describes the job of teaching English to non-majors as the mandates and functions of the Faculty of English in Vietnam National University, Hanoi (VNU), and relates it to English teaching in Vietnam in general where relevant. Our approaches and orientations in teaching and researching English for non-majors are also presented in this general context. Thus, the paper begins with an overview of the Faculty of English, its mandates and functions before mapping the changes in the pedagogical approaches to English teaching over different periods of the Faculty's development. The paper then ends with some orientations for the time ahead.

Key words: ESP; English for non-majors; EAP; pedagogical approaches.

Bài viết này của chúng tôi mô tả việc giảng dạy tiếng Anh không chuyên gắn với chức năng nhiệm vụ của Khoa tiếng Anh trong Đại học Quốc gia Hà Nội và có liên hệ với việc đào tạo tiếng Anh nói chung ở Việt Nam ở những điểm liên quan. Qua đó, chúng tôi trình bày quan điểm và định hướng giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh không chuyên ở Khoa chúng tôi trong bối cảnh chung. Bài viết khái lược vài nét về Khoa tiếng Anh và chức năng, nhiệm vụ của Khoa; những biến chuyển về quan điểm giảng dạy tiếng Anh qua các thời kì và định hướng giảng dạy và nghiên cứu trong thời gian tới.

1. Sơ lược về Khoa tiếng Anh

Khoa tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được thành lập theo Quyết định số 672/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường ĐHNN kí ngày 22 tháng 7 năm 2009 trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị, đó là: (i) Bộ môn Tiếng nước ngoài, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV), ĐHQG HN (1995 - 2009);(ii) Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

(ĐH KHTN), ĐHQG HN (1995 - 2009). Tiền thân của 2 bộ môn trên là Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tổng hợp Hà Nội (ĐHTH HN), thành lập năm 1958; đến năm 1978 phát triển thành Khoa Tiếng nước ngoài, ĐHTH HN; và khi thành lập ĐHQG HN, Khoa Tiếng nước ngoài chia thành hai bộ môn nói trên (thuộc 2 trường thành viên là Trường ĐH KHXH&NV và Trường ĐH KHTN); (iii) Khoa Ngoại ngữ Chuyên ngành, Trường ĐHNN, ĐHQG HN (2002 – 2009); và (iv) Tổ Ngoại ngữ 2, Trường ĐHNN, ĐHQG HN.

Khoa tiếng Anh hiện nay có 03 Tiến sĩ (01 PGS), 97 Thạc sĩ, 29 cử nhân. Tuổi trung bình là 30.6. Số lượng cán bộ dưới tuổi 30 chiếm 66/129 (51%) tổng số cán bộ của Khoa và với năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình và cống hiến của tuổi trẻ, họ đã trở thành lực lượng chủ chốt, đi đầu trong mọi nhiệm vụ của Khoa.

Theo Quyết định số 546/QĐ-ĐHNN của Hiệu trưởng Trường ĐHNN ngày 19 tháng 03 năm 2014 về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường ĐHNN, ĐHQG HN, Khoa tiếng

Anh có những chức năng, nhiệm vụ chính sau đây:

Chức năng: 1.1. *Đào tạo tiếng Anh cho toàn bộ sinh viên, học viên của ĐHQGHN ở các bậc đào tạo đại học và sau đại học.*

Nhiệm vụ: 2.1. *Giảng dạy tiếng Anh ở các chương trình chuẩn, chương trình chất lượng cao, chương trình đạt chuẩn quốc tế, cử nhân tài năng ở bậc đào tạo đại học và sau đại học trong ĐHQGHN; 2.2. Tham gia thực hiện các khoá bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo nhu cầu cho đội ngũ CBVC, sinh viên của ĐHQGHN và các cơ quan, đơn vị ngoài ĐHQGHN theo quy định của Nhà trường.*

Tuy nhiên, chức năng 1.1. của Khoa tiếng Anh không bao gồm việc đào tạo tiếng Anh và các môn liên quan trong chương trình cử nhân chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, phiên dịch, hay ngôn ngữ Anh, văn hóa các nước nói tiếng Anh. Những công việc này do 2 Khoa là Khoa Sư phạm tiếng Anh và Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa các nước nói tiếng Anh đảm nhiệm. Nói cách khác, Khoa tiếng Anh phụ trách việc giảng dạy tiếng Anh cho tất cả các đơn vị thành viên của ĐHQG HN; riêng ở Trường ĐHNN, Khoa tiếng Anh chỉ giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên các ngành ngoài tiếng Anh. Đây là những điểm khác biệt về chức năng nhiệm vụ mà nhiều người thường nhầm lẫn giữa 3 khoa liên quan đến tiếng Anh của Trường ĐHNN. Và lại, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh trước đây vốn thường được gọi vắn tắt là Khoa Anh, hoặc Khoa tiếng Anh, nên nay có thêm một đơn vị mới lại cũng lấy cái tên như thế thì chuyện nhầm lẫn cũng thường xảy ra.

Trên đây là quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa nhằm phục vụ công tác quản lý, hành chính là chủ yếu, còn thực tế giảng viên của 3 khoa luôn tham gia giảng dạy các môn học liên quan của nhau, tùy thuộc vào

nhu cầu của đơn vị phụ trách cũng như năng lực, trình độ chuyên môn của giảng viên.

1. Quan điểm giảng dạy tiếng Anh “không chuyên”/ “chuyên ngành” qua các thời kì

1.1. Từ 1958 - 1978

Đây là thời kì mà Bộ môn Ngoại ngữ thuộc ĐHTH HN chỉ giảng dạy tiếng Anh, Nga và Trung hoặc Pháp cho sinh viên các ngành, thường được gọi là môn tiếng Anh hay ngoại ngữ không chuyên, bởi Bộ môn không có chức năng đào tạo chuyên ngữ là chức năng của Đại học Ngoại ngữ Hà Nội hoặc Đại học Sư phạm Ngoại ngữ trước đây. Bởi “mang tiếng” là tiếng Anh *không chuyên*, chương trình giảng dạy chỉ đặt yêu cầu ở mức khá thấp, và tập trung vào kĩ năng đọc, giảng dạy theo phương pháp ngữ pháp - dịch là chính. Mục đích chủ yếu là làm sao sinh viên có thể đọc và hiểu được nội dung cơ bản tài liệu chuyên ngành của họ ở một mức độ nào đó. Một số thầy cô tham gia giảng dạy giai đoạn này cho biết có khi họ mang một bài khóa tiếng Anh liên quan đến nội dung chuyên ngành của sinh viên đang học, ví dụ như kinh tế, triết học, văn học, v.v., đọc cho sinh viên chép, sau đó giảng giải ngữ pháp, từ vựng, rồi cùng sinh viên dịch sang tiếng Việt. Kĩ năng nghe, nói và viết hầu như không được rèn tập. Vì vậy, sinh viên thời kì này ra trường thường bị coi là yếu về khả năng giao tiếp (nói, nghe) tiếng Anh và chỉ có thể đọc được một số tài liệu chuyên ngành mà thôi.

Đối với tổ Ngoại ngữ 2 của Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ trước đây, nay là Trường ĐHNN, ĐHQG HN, hay gọi đúng hơn là *tổ phụ trách dạy tiếng Anh cho sinh viên các ngành ngoại ngữ khác với tư cách là ngoại ngữ 2*, yêu cầu đặt ra cũng chưa cao, mặc dầu cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết đều được quan tâm hơn so với sinh viên các ngành không phải ngoại ngữ.

1.2. Từ 1978 - 1995

Khi Khoa Tiếng nước ngoài được thành lập tại ĐHTH HN, Khoa có thêm nhiệm vụ đào tạo sinh viên chuyên ngữ (chuyên ngành tiếng Anh, Nga, Pháp, và sau có thêm tiếng Trung), ngoài lực lượng tiếp tục giảng dạy ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên các ngành khác của ĐHTH HN. Quan điểm, phương pháp giảng dạy tiếng Anh không chuyên không có nhiều điểm khác biệt so với thời kì trước. Mãi tới đầu thập kỉ 1990 khái niệm ESP mới được biết đến, nhưng cách hiểu và áp dụng còn khá sơ khai, như có thể thấy ở một số tài liệu, giáo trình tiếng Anh chuyên ngành được biên soạn, trong đó thuần túy là các bài đọc hiểu và bài tập ngữ pháp, từ vựng liên quan.

1.3. Từ 1995 - 2009

Đây là giai đoạn mà ESP được hiểu rõ hơn nhưng cũng đa dạng hơn ở các Bộ môn Tiếng nước ngoài (ĐH KHXH&NV), Bộ môn Ngoại ngữ (ĐH KHTN) cũng như Khoa Ngoại ngữ Chuyên ngành (ĐHNN).

English for specific purposes (ESP), theo nhiều tác giả như Hutchinson & Waters (1987), Munby (1978), Kennedy và Bolitho (1984), Robinson (1991), Dudley-Evans (1998), v.v., về cơ bản là phục vụ mục đích, nhu cầu hết sức rõ ràng, cụ thể của người học, khác với *General English* (GE) là phục vụ những yêu cầu chung, yêu cầu căn bản của bất kì người học ngoại ngữ nào. Tuy nhiên, trong thực tế, việc điều tra, phân tích nhu cầu của người học chưa được tiến hành thật thấu đáo, cẩn thận, kể cả nhu cầu của học viên lẫn đòi hỏi trong thực tế công việc của chuyên ngành định giảng dạy, hoặc một số ngành học rất khó xác định nhu cầu đòi hỏi ở người học khi ra trường. Điều này đã gây không ít khó khăn cho các bộ môn và khoa nói trên trong xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu, giáo trình cũng như phương pháp giảng dạy.

Khó khăn còn nảy sinh từ chính cách hiểu khái niệm ESP Phan Văn Hòa (2011) dịch thuật ngữ này là *tiếng Anh vì/theo những/các mục đích cụ thể*; Thái Duy Bảo (2011) dịch là *tiếng Anh chuyên biệt*; còn Trần Quang Hải (2011:27) cho rằng các thuật ngữ *tiếng Anh chuyên ngành*, *tiếng Anh không chuyên*, *tiếng Anh chuyên biệt* đều “dịch từ thuật ngữ ESP (English for specific purposes)”. Tuy nhiên, về cơ bản, ESP được gọi chung là *tiếng Anh chuyên ngành* ở Việt Nam và các bộ môn/khoa nói trên đều theo cách hiểu này. Theo đó, nhiều chương trình, tài liệu giảng dạy đã được biên soạn trên cơ sở các bài khóa có nội dung chuyên ngành. Các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch được quan tâm, nhưng trọng tâm giảng dạy vẫn là đọc hiểu và từ vựng chuyên ngành. Đó là nhiều giáo trình khác nhau như: *Tiếng Anh cho Sinh viên Luật*; *Tiếng Anh chuyên ngành Ngôn ngữ*; *Tiếng Anh chuyên ngành Văn học*; *Tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học*; *Tiếng Anh chuyên ngành Toán học*; *Tiếng Anh chuyên ngành Vật lí*; v.v. Giáo trình có định hướng nghề nghiệp cụ thể nhất trong số này là giáo trình *Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch*, trong đó các bối cảnh sử dụng ngôn ngữ cụ thể được đưa ra như trong khách sạn, khi hướng dẫn tour, thủ tục hàng không, v.v. còn các giáo trình khác vẫn nặng về việc giới thiệu khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành. Khi phải giải thích thuật ngữ, khái niệm chuyên ngành, thậm chí còn phải dịch chính xác sang tiếng Việt, giáo viên dạy tiếng Anh buộc phải có kiến thức chuyên môn về những khái niệm, thuật ngữ đó. Nhiều khi giờ dạy/học tiếng trở thành giờ dạy chuyên ngành (teaching/learning the subject matter instead of teaching/learning the language). Điều này làm nảy sinh một khó khăn khác là đa phần giáo viên dạy tiếng không được đào tạo về chuyên ngành, hoặc nếu có tự học thì nói chung cũng không

đủ kiến thức chuyên ngành để đảm bảo truyền đạt chính xác trong mọi trường hợp. Hiệu quả của việc dạy tiếng Anh chuyên ngành cũng chưa cao một phần là do trình độ tiếng Anh GE của nhiều sinh viên còn yếu, phần kiến thức chuyên ngành của họ qua các môn giảng dạy bằng tiếng Việt cũng chưa thật chắc nên khi chuyển sang học tiếng Anh chuyên ngành rất vất vả. Những vấn đề này chúng tôi đã có dịp trao đổi trong các bài viết trước (Lâm Quang Đông, 2004 & 2011), đồng thời cũng là những vấn đề chung mà nhiều tác giả đã đề cập (Phan Văn Hòa, Thái Duy Bảo, Trần Quang Hải, 2011, v.v.)

1.4. Từ 2009 đến nay

Năm 2009, khi Khoa tiếng Anh được thành lập, trực thuộc Trường ĐHN, ĐHQGHN, quan điểm giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên các ngành khác ngoài ngành tiếng Anh, hay gọi ngắn gọn là *tiếng Anh không chuyên*, tại ĐHQGHN đã có những thay đổi căn bản để thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”. Thay đổi quan trọng nhất dẫn tới các thay đổi khác là việc áp dụng Khung tham chiếu châu Âu CEFR để đánh giá năng lực ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng cùng với quy định các bậc trình độ ở các cấp học. Theo đó, chương trình đào tạo tiếng Anh được biên soạn lại theo các bậc trình độ này. Sự phân biệt giữa tiếng Anh chuyên (ngữ) và tiếng Anh không chuyên truyền thống trước đây (như thời kì 1958-1978) được thay thế (một phần) bằng sự phân biệt giữa các trình độ cần đạt, trong đó có các yêu cầu cụ thể về cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, chẳng hạn như sinh viên ngành tiếng Anh phải đạt tới trình độ C1 trở lên, còn sinh viên các ngành khác phải đạt được trình độ B1 khi hoàn thành chương trình cử nhân. 14 tín chỉ dành cho tiếng Anh trong chương trình cử nhân do vậy chỉ tập trung đào tạo tiếng Anh phổ thông/cơ bản

(GE) để hỗ trợ sinh viên đạt tới các chuẩn trình độ này và không thể tiếp tục đào tạo tiếng Anh chuyên ngành như trước. Và lại, như chúng tôi đã trình bày, việc đào tạo tiếng Anh chuyên ngành vốn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao nên càng cần phải thay đổi, thậm chí chấm dứt trong khuôn khổ 14 tín chỉ này. Chỉ có những ngành học nào được bố trí thời lượng tiếng Anh nhiều hơn 14 tín chỉ, ví dụ như chương trình cử nhân ngành Quốc tế học, việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành mới có thể tiếp tục.

Song hành với sự thay đổi đó, một số môn học đối với một số đối tượng sinh viên cụ thể đã được triển khai giảng dạy bằng tiếng Anh thay cho tiếng Việt, và giảng viên đảm nhận là các giảng viên chuyên môn (subject matter teachers) có trình độ tiếng Anh tốt và có năng lực giảng dạy các môn đó bằng tiếng Anh. Như vậy, *tiếng Anh phục vụ các mục đích cụ thể*, hay *tiếng Anh chuyên ngành (ESP)* đã chuyển thành *giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh (teaching subject matter/content through English)*.

Tuy được “giải phóng” khỏi nhiệm vụ nặng nề này, nhưng giảng viên Khoa tiếng Anh cũng cần phải xác lập định hướng cụ thể về giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Khoa trong giai đoạn tới. Đó là: tiếp tục giảng dạy tiếng Anh phổ thông/căn bản (GE) hướng tới các bậc trình độ tương ứng theo yêu cầu và chuẩn đầu ra của từng đối tượng sinh viên, đồng thời lồng ghép định hướng tiếng Anh học thuật (EAP/English for Academic Purposes) - một nhánh nhỏ trong cây ESP nói chung (Hutchinson và Waters, 1987:17) - vào chương trình đào tạo, bởi về sau sinh viên hay học viên sau đại học phải sử dụng tiếng Anh để học một số môn bằng tiếng Anh hoặc thực hiện các bài tập, nhiệm vụ học thuật bằng tiếng Anh.

Theo tổng kết của Thái Duy Bảo, EAP “đôi khi bị phê phán là vẫn sa vào hướng **TENOR** (đường hướng giảng dạy Anh ngữ thiếu mục tiêu rõ ràng - teaching English for no obvious purposes) (Carter, 1983, dẫn theo Thái Duy Bảo, 2011:13). Vì vậy, để khắc phục khiếm khuyết này, chương trình và giáo trình tiếng Anh học thuật dành cho học viên sau đại học các ngành khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, luật, khoa học tự nhiên và công nghệ mà Khoa tiếng Anh đã biên soạn và đang thực hiện hiện nay đã đặt ra những mục tiêu cụ thể, tập trung vào các nhiệm vụ mà học viên phải giải quyết trong học tập và nghiên cứu liên quan đến tiếng Anh. Tuy nhiên, giảng viên Khoa tiếng Anh vẫn cần tiếp tục nghiên cứu toàn diện hơn, sâu sắc hơn để điều chỉnh các mục tiêu cho phù hợp hơn khi giảng dạy tiếng Anh học thuật cho học viên sau đại học - một trong các nhiệm vụ của Khoa.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên, theo định hướng của Nhà trường, giảng viên Khoa tiếng Anh cần tiếp tục các đề tài nghiên cứu về ngôn ngữ Anh, giáo dục tiếng Anh, phương pháp giảng dạy, văn hóa, quốc tế học và những vấn đề liên quan, như một số bài viết được công bố trong số này của Tạp chí cho thấy. Đó cũng là một biện pháp hiệu quả nhằm tăng cường chất lượng, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Khoa trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Duy Bảo (2011), *Đường hướng đào tạo tiếng Anh chuyên biệt cho chuyên ngành tiếng Anh -tại sao không?* Ngôn ngữ và Đời sống số 12, tr.11-19.
2. Lâm Quang Đông (2004), *EAP/ESP/EOP (Tiếng Anh học thuật, tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh nghề nghiệp) và Chương trình giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên đại học tại ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN*, Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ tại ĐH KHXH & NV và ĐH KHTN”, ĐHQGHN.
3. Lâm Quang Đông (2011), *Tiếng Anh chuyên ngành - một số vấn đề về nội dung giảng dạy*. Ngôn ngữ và Đời sống số 11, tr.27-32.
4. Dudley-Evans, T. (1998), *Research perspectives on English for academic purposes*. Cambridge: Cambridge University Press.
5. Trần Quang Hải (2011), *Dạy-học ngoại ngữ căn bản và chuyên ngành: mâu thuẫn giữa kì vọng và thực tế*. Ngôn ngữ và Đời sống số 12, tr.24-28.
6. Phan Văn Hòa (2011), *Dạy và học tiếng Anh theo các mục đích cụ thể ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020 từ góc nhìn thực tiễn và hướng chiến lược của Đề án Ngoại ngữ quốc gia*. Ngôn ngữ và Đời sống số 12, tr. 1-5 & 36.
7. Hutchinson, T and Waters, A. (1987), *English for specific purposes, A learning-centred approach*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Kennedy, C & Bolitho, R (1984), *English for specific purposes*. London: Macmillan.
9. Munby, J. (1978), *Communicative syllabus design*. Cambridge: Cambridge University Press.
10. Robinson, P (1991), *ESP today: A practitioner's guide*. Hemel Hemstead: Prentice Hall.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-09-2014)